

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/9/2022/DS-ST  
Ngày: 30/9/2022.  
V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tăng Ngọc Châu.

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M:*** Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Phạm Ngọc L (Chị M), sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Trương Văn D (Cậu M), sinh năm 1953, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị đơn:*** Bà Trần Thị Th, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã G1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông Trương Văn D, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bà Huỳnh Thị R (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H1, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2021 của nguyên đơn bà Phạm Ngọc L, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn D trình bày: Năm 2001, Bà Trần Thị Th có cho bà Huỳnh Thị R vay số tiền 9.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh xã Thạnh Phú, bà Rõ có làm biên nhận nợ nhờ ông Trương Văn D (chồng bà L) chứng kiến, nhưng ông D không có ký tên người chứng kiến vào biên nhận nợ. Đến cuối năm 2001 thì bà Rõ bỏ đi khỏi địa phương, bà Th cho rằng ông D lấy tiền của bà Th để đưa cho bà Rõ và buộc bà L phải trả số tiền trên cho bà Th, bà L có hỏi ông D nhưng do bà Rõ bỏ địa phương đi nên ông D không nói rõ được về số nợ này. Do bà Th qua gặp bà L đòi nợ hoài, L nghĩ là ông D thiếu nợ bà Th nên bà L buộc lòng trả tiền cho bà Th. Bà L trả cho bà Th nhiều lần với tổng số tiền 7.500.000 đồng và bà Th có làm biên nhận cho bà 03 lần số tiền 5.000.000 đồng (một lần vào ngày 24/6/2002 trả bà Th 2.000.000 đồng, bà Th làm biên nhận ghi “nhận của chị mười” (là bà Phạm Ngọc L), một lần vào ngày 11/7/2001 trả 1.000.000 đồng, bà Th làm biên nhận, ghi “nhận tiền của chị Mười” (là Phạm Ngọc L), một lần vào ngày 20/11/2001 bà L trả cho bà Th 2.000.000 đồng, bà Th làm biên nhận ghi “nhận của anh chị” (là Phạm Ngọc L và Trương Văn D)); Con rể bà Th tên Dương Văn Q đến tại nhà bà L lấy tiền của bà L trả thêm 02 lần vào khoảng năm 2006 - 2007 nhưng không có làm biên nhận: Lần đầu đưa 1.500.000 đồng, lần sau cách vài tháng đưa 1.000.000 đồng; Số tiền còn lại 1.500.000 đồng, ông D trả cho bà Th 02 lần: 01 lần trả bằng cách trừ tiền hụi của bà Đặng Thị L1 100.000 đồng và 01 lần ông D trực tiếp trả cho bà Th 500.000 đồng. Như vậy bà L và ông D đã trả cho bà Th phần tiền nợ mà bà Rõ vay của bà Th tổng cộng đủ 9.000.000 đồng.

Nay ông Trương Văn D đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Trần Thị Th trả lại cho bà L số tiền 9.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của Ngân hàng từ đầu năm 2007 đến cuối năm 2020. Vì số tiền này bà Huỳnh Thị R nợ của bà Th, ông D chồng bà L chỉ là người chứng kiến, nhưng bà Th đòi bà L trả nên yêu cầu bà Th trả lại 9.000.000 đồng tiền vốn và lãi cho bà L, rồi bà Th đi đòi nợ bà Huỳnh Thị R.

- Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Bà Trần Thị Th trình bày: Lời trình bày theo đơn khởi kiện bà Phạm Ngọc L và lời trình bày của ông Trương Văn D tại phiên tòa không đúng sự thật, năm 2001 - 2002 ông Trương Văn D có vay tiền của bà Th với lãi suất thấp để cho người khác vay lại đáo hạn Ngân hàng với lãi cao hơn để hưởng tiền lãi chênh lệch, nên ông D có vay của bà Th số tiền 9.000.000 đồng, ông D có làm biên nhận nợ. Sau khi vay, ông D và vợ là bà Phạm Ngọc L có trả cho bà Th nhiều lần do thời gian đã lâu nên bà Th không nhớ rõ.

Theo biên nhận bà L nộp cho Tòa án gồm: 03 lần số tiền 5.000.000 đồng (vào ngày 24/6/2002 bà L trả bà Th 2.000.000 đồng, bà Th làm biên nhận ghi “nhận của chị mười” (là bà Phạm Ngọc L), một lần vào ngày 11/7/2001 bà L trả bà Th 1.000.000 đồng, bà Th làm biên nhận, ghi “nhận tiền của chị Mười” (Phạm Ngọc L), 01 lần vào ngày 20/11/2001 bà L trả cho bà Th 2.000.000 đồng, bà Th làm biên nhận ghi “nhận của anh chị” (là Phạm Ngọc L và Trần Văn D) là đúng.

Sau đó, ông D có ra nhà bà Th trả nợ thêm 02 lần, nhưng đã quá lâu không nhớ rõ thời gian trả, không nhớ mỗi lần trả bao nhiêu, nhưng tổng cộng hai lần ông D trả cho bà Th là 3.000.000 đồng và thời điểm đó, bà Đặng Thị L1 có nợ tiền của ông D và ông D cần trừ qua số tiền nợ của bà Lanh, nên bà Lanh có trả cho bà Th 1.000.000 đồng có ông D chứng kiến. Còn việc bà L nói trả cho con rể bà Th nhận là hoàn toàn không có.

Như vậy 02 lần ông D trả 3.000.000 đồng và 01 lần trừ cần nợ của bà Lanh 1.000.000 đồng, cộng với 5.000.000 đồng bà L trả, thì tổng cộng ông D, bà L đã trả đủ cho bà Th số tiền 9.000.000 đồng, nên bà Th đã giao trả biên nhận nợ cho ông D. Hiện nay, ông D bà L không còn nợ tiền gì của bà Th nữa.

Còn biên nhận nợ ông D, bà L cung cấp cho Tòa án với nội dung bà Huỳnh Thị R vay tiền của bà Th thì bà Th hoàn toàn không biết biên nhận này. Bà Huỳnh Thị R tự làm biên nhận với ông D thì bà không biết vì bà Rõ vay tiền của ông D, bà Rõ không có thiếu tiền của bà Th. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc L thì bà Th không đồng ý. Vì ông D, bà L thiếu tiền của bà 9.000.000 đồng như nêu trên và đã trả đủ cho bà rồi, còn việc bà Rõ vay tiền của bà L, ông D thì bà không biết.

*Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị R:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 26/TB-TLVA ngày 22/02/2021 cho bà Rõ biết và Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng bà Huỳnh Thị R không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án, không đến tham gia phiên tòa xét xử

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị R đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà Rõ vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Thị R.

Về nội dung:

[2] Nguyên đơn bà Phạm Ngọc L do ông Trương Văn D đại diện theo ủy quyền cho rằng bà Huỳnh Thị R vay tiền của Bà Trần Thị Th 9.000.000 đồng tại biên nhận nợ ngày 23/4/2001, ông D chỉ là người chứng kiến, nhưng sau đó bà Rõ bỏ địa phương đi thì bà Th đến nhà bà L, ông D đòi nợ. Bà L nghĩ là ông D thiếu nợ bà Th nên bà L đã trả nợ cho bà Th nhiều lần, bà Th có làm biên nhận cho bà 03 lần số tiền 5.000.000 đồng (một lần vào ngày 24/6/2002 trả bà Th 2.000.000 đồng (bà Th làm biên nhận ghi “nhận của chị mười” (là bà Phạm Ngọc L), một lần vào ngày 11/7/2001 trả 1.000.000 đồng, bà Th làm biên nhận, ghi “nhận tiền của chị Mười” (là Phạm Ngọc L), một lần vào ngày 20/11/2001 bà trả cho bà Th 2.000.000 đồng, bà Th làm biên nhận ghi “nhận của anh chị” (là Phạm Ngọc L và Trương Văn D); còn 02 lần là do con rể bà Th tên Dương Văn Q xuống nhà bà L lấy tiền vào khoảng năm 2006 - 2007 nhưng không có làm biên nhận, lần đầu đưa 1.500.000 đồng, lần sau cách vài tháng đưa 1.000.000 đồng; Số tiền còn lại 1.500.000 đồng, ông D trả cho bà Th 02 lần: 01 lần trả bằng cách trừ tiền hụi của bà Đặng Thị L1 và 01 lần ông D trực tiếp trả cho bà Th 500.000 đồng. Như vậy, bà L và ông D đã trả cho bà Th phần tiền nợ mà bà Rõ vay của bà Th tổng cộng đủ 9.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn Bà Trần Thị Th cho rằng bà không có cho bà Huỳnh Thị R vay tiền mà trực tiếp cho ông Trương Văn D vay tiền 9.000.000 đồng. Sau đó, ông D và bà Phạm Ngọc L đã trả đủ cho bà số tiền nợ 9.000.000 đồng như ông D trình bày. Nay bà L, ông D đã trả đủ tiền nợ cho bà Th, thì bà L và ông D không còn nợ tiền của bà Th nữa, bà Huỳnh Thị R cũng không có nợ tiền của bà Th. Biên nhận nợ bà Huỳnh Thị R nhận tiền vay của bà Th 9.000.000 đồng ngày 23/4/2001 mà ông D cung cấp cho Tòa án thì bà Th không biết biên nhận này, bà Rõ không có làm biên nhận nào cho bà Th.

[4] Ngoài ra, tại biên nhận ngày 23/4/2001 ghi “*Tôi là Huỳnh Thị R ngụ tại Ấp H1 xã Hòa Tú I có nhận của cô Tám Th có cậu 10 D làm chứng 9.000.000 (chín triệu đồng)...*” biên nhận này có ký tên Rõ và ghi họ tên Huỳnh Thị R, nhưng biên nhận này không có xác nhận của Bà Trần Thị Th, ông Trương Văn D chỉ là người chứng kiến nhưng ông D giữ biên nhận nợ là không phù hợp. Hơn nữa, khi bà Th yêu cầu bà L và ông D thanh toán số tiền nợ 9.000.000 đồng thì bà L và ông D cũng đồng ý và đã tự nguyện thanh toán trong thời gian từ năm 2001 đến năm 2007 đã trả hết số tiền 9.000.000 đồng cho bà Th. Như vậy, chứng minh việc ông D vay tiền của bà Th và đã thanh toán đủ cho bà Th là có cơ sở. Do đó, bà Phạm Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th hoàn trả lại số tiền 9.000.000 đồng đã trả nợ cho bà Th là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 450.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà Phạm Ngọc L sinh năm 1956, trên 60 tuổi, là người cao tuổi (theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi số 39/2009/QH.12 ngày 23/11/2009) và có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được

miễn nộp tiền án phí, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 130/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xét cho bà L được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc L về việc yêu cầu Bà Trần Thị Th phải hoàn trả tổng số tiền 9.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ năm 2007 đến năm 2020.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Ngọc L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện M;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M,
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ái Mỹ**